

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG
SẢN LÀO CAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18/09/2002. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 18 ngày 05/6/2020.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên
Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 27, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 29 tháng 3 năm 2023



Số: 030A/2023/BCKT-HT.00134

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn"), được lập ngày 29/3/2023, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có các khoản Phải thu ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền 34.754.438.547 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 69.999.757.990 đồng), bao gồm: (1) Phải thu về cho vay là 27.000.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 62.000.000.000 đồng) và (2) Phải thu tiền lãi cho vay là 7.754.438.547 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 7.999.757.990 đồng). Với các tài liệu hiện có tại Tập đoàn và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, Chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản Phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và ảnh hưởng nếu có của các điều chỉnh đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 1.5 của báo cáo tài chính, Dự án khai thác quặng vàng tại khu vực Thung Chứa, xã Bắc Sơn (nay là xã Hùng Sơn), huyện Kim Bôi và bản Ngọc Lâm, xã Cao Răm (nay là xã Cao Sơn), huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ-UBND ngày 12/11/2009 của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực, theo đó các quyền liên quan đến Giấy phép khai thác của Công ty con chấm dứt kể từ ngày 12/11/2022 và các chi phí đầu tư vào dự án không chắc chắn sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn đã được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2023-009-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4018-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.486.125.807	51.471.103.417
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	461.339.451	573.572.596
Tiền	111		461.339.451	573.572.596
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.848.912.664	28.992.674.734
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	697.542.976	2.725.329.200
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	19.596.931.141	564.021.496
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	10.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	24.554.438.547	15.703.324.038
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	107.900.000	19.536.764.583
Hàng tồn kho	141		107.900.000	19.536.764.583
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.067.973.692	2.368.091.504
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.067.973.692	2.368.091.504
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.212.523.116	198.929.387.369
Các khoản phải thu dài hạn	210		27.171.177.000	52.171.177.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	27.000.000.000	52.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	171.177.000	171.177.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		3.079.662.225	16.873.605.223
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	3.079.662.225	16.873.605.223
- Nguyên giá	222		15.198.828.192	29.565.682.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.119.165.967)	(12.692.077.324)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.034.365.131	82.034.605.146
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	6.034.365.131	82.034.605.146
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	47.927.318.760	47.850.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		47.927.318.760	47.850.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		131.698.648.923	250.400.490.786

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		12.640.025.895	21.810.179.652
Nợ ngắn hạn	310		12.640.025.895	21.810.179.652
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	9.037.604.894	18.333.486.789
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		355.042.240	355.042.240
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	-	192.402.645
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		431.545.116	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	19.526.667	132.941.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		119.058.623.028	228.590.311.134
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	119.058.623.028	228.590.311.134
Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.910.000)	(1.910.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(137.900.083.376)	(33.903.695.769)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33.903.695.767)	(35.722.436.589)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(103.996.387.609)	1.818.740.820
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.688.986.761	8.224.287.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.698.648.923	250.400.490.786
(440 = 300 + 400)				

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HOA

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HOA

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC THẮNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2022	NĂM 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	16.431.744.000	9.787.945.600
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		16.431.744.000	9.787.945.600
Giá vốn hàng bán	11	6.2	17.475.493.388	8.724.010.673
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(1.043.749.388)	1.063.934.927
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.143.815.717	3.625.667.769
Chi phí tài chính	22	6.4	2.468.467	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(22.681.240)	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.061.614.513	1.033.416.214
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.986.697.891)	3.656.186.482
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	6.6	107.544.990.216	1.725.979.301
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(107.544.990.216)	(1.725.979.301)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(109.531.688.107)	1.930.207.181
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50 - 51)	60		(109.531.688.107)	1.930.207.181
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(103.996.387.609)	1.818.740.820
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.535.300.498)	111.466.361
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(4.221,86)	73,83

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ HOA

NGUYỄN THỊ HOA

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2022	NĂM 2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(109.531.688.107)	1.930.207.181
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.835.219.968	-
Các khoản dự phòng	03		-	(210.290.000)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		85.837.828.568	(3.625.667.769)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(20.858.639.571)	(1.905.750.588)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.801.439.561)	9.632.320.376
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.428.864.583	(2.044.956.523)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.170.153.757)	1.316.404.335
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(1.722.979.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		(36.401.368.306)	5.275.038.299
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(9.900.000.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(28.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.000.000.000	50.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000)	(47.850.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	30.020.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.389.135.161	557.193.112
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		36.289.135.161	(5.172.806.888)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(112.233.145)	102.231.411
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		573.572.596	471.341.185
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	461.339.451	573.572.596

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa



Nguyễn Đức Thắng

NGUYỄN THỊ HOA

NGUYỄN THỊ HOA

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18/09/2002. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 18 ngày 05/6/2020.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn")

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: hoạt động khai thác quặng kim loại quý hiếm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Dự án khai thác quặng vàng tại khu vực Thung Chùa, xã Bắc Sơn (nay là xã Hùng Sơn), huyện Kim Bôi và bản Ngọc Lâm, xã Cao Rằm (nay là xã Cao Sơn), huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ-UBND ngày 12/11/2009 của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực, theo đó các quyền liên quan đến Giấy phép khai thác của Công ty con chấm dứt kể từ ngày 12/11/2022 và các chi phí đầu tư vào dự án không chắc chắn sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn đã được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

a) Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 31/12/2021: 01 công ty con)

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty

- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 là 19 người (tại ngày 31/12/2021 là: 20 người).

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty con	
		% quyền biểu quyết	% lợi ích
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	Hòa Bình	95,00%	95,00%

c) Các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty tại công ty liên kết	
			% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Bắc Giang	34,86%	34,86%
2	Công ty CP Đầu tư và xây dựng môi trường xanh Bình Thành	Hà Giang	35,00%	35,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng - Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 45 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 08 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

4.7 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.11 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.14 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	458.116.309	568.589.716
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.223.142	4.982.880
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	461.339.451	573.572.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2022	01/01/2022
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	24.150.000.000	24.145.465.329
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành	23.800.000.000	23.781.853.431
TỔNG CỘNG	47.950.000.000	47.927.318.760

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 31/12/2022

Tên Công ty	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	34,86%	34,86%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
+ Công ty CP Đầu tư và xây dựng môi trường xanh Bình Thành	35,00%	35,00%	Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	Số nhà 95, đường Lê Hồng Phong, tổ 22, Phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
Công ty TNHH Đầu tư và PT năng lượng sạch Việt Nam	367.542.976	2.395.329.200
Công ty CP đầu tư công nghiệp Nam Khánh	165.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	165.000.000	330.000.000
Cộng	<u>697.542.976</u>	<u>2.725.329.200</u>

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng Lan Vương	206.000.000	206.000.000
Công ty TNHH đầu tư thương mại tổng hợp Liễu Trần	5.755.149.600	-
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Bình Phát	5.759.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Thiên Quang Phát	6.975.486.696	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	901.294.845	358.021.496
Cộng	<u>19.596.931.141</u>	<u>564.021.496</u>

5.5. Phải thu về cho vay

	<u>31/12/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
a) Ngắn hạn		
Nguyễn Thị Thu Hiền	-	10.000.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>10.000.000.000</u>
b) Dài hạn		
Nguyễn Thị Hoàng Thảo	9.000.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Thị Tuyền	6.000.000.000	6.500.000.000
Phạm Thị Hương	7.000.000.000	7.000.000.000
Nguyễn Tiến Thịnh	-	10.000.000.000
Nguyễn Văn Phong	5.000.000.000	18.500.000.000
Cộng	<u>27.000.000.000</u>	<u>52.000.000.000</u>

(*) Phải thu cho vay là các khoản cho cá nhân vay không tài sản đảm bảo, lãi suất cố định theo từng lần cho vay với mức lãi suất từ 4%-6%/năm

5.6. Phải thu khác

	<u>31/12/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
a) Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	16.800.000.000	7.703.566.048
Phải thu về lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.754.438.547	7.999.757.990
Cộng	<u>24.554.438.547</u>	<u>15.703.324.038</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	171.177.000	171.177.000
Cộng	<u>171.177.000</u>	<u>171.177.000</u>

5.7. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	3.192.373.699	-
Công cụ, dụng cụ	107.900.000	-	107.900.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	16.236.490.884	-
Cộng	<u>107.900.000</u>	<u>-</u>	<u>19.536.764.583</u>	<u>-</u>

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Dự án khai thác vàng tại Hòa Bình	6.034.365.131	82.034.605.146
Cộng	<u>6.034.365.131</u>	<u>82.034.605.146</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2022	23.962.384.034	4.548.692.880	963.104.633	91.501.000	29.565.682.547
Mua trong năm					
Đầu tư XDCB hoàn thành		1.887.227.273			1.887.227.273
Tăng do phân loại lại	(14.366.854.355)				(14.366.854.355)
Giảm khác	(1.887.227.273)				(1.887.227.273)
Giảm do phân loại lại					
Thanh lý, nhượng bán					
Số dư 31/12/2022	7.708.302.406	6.435.920.153	963.104.633	91.501.000	15.198.828.192
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
Số dư đầu 01/01/2022	8.712.778.811	2.924.692.880	963.104.633	91.501.000	12.692.077.324
Khấu hao trong năm	2.429.219.968	406.000.000			2.835.219.968
Tăng do phân loại lại		1.887.227.273			1.887.227.273
Tăng khác					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm do phân loại lại	(1.887.227.273)				(1.887.227.273)
Giảm khác	(3.408.131.325)				(3.408.131.325)
Số dư 31/12/2022	5.846.640.181	5.217.920.153	963.104.633	91.501.000	12.119.165.967
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	15.249.605.223	1.624.000.000	-	-	16.873.605.223
Tại ngày 31/12/2022	1.861.662.225	1.218.000.000	-	-	3.079.662.225

(*) Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.686.057.815 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty TNHH đầu tư thương mại tổng hợp Liễu Trần	-	-	5.987.850.400	5.987.850.400
+ Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Bình Phát	-	-	5.841.000.000	5.841.000.000
+ Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Thiên Quang Phát	-	-	1.086.089.960	1.086.089.960
+ Công ty TNHH Xây dựng và Vận chuyển Nam Phát	1.270.609.200	1.270.609.200		
+ Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Xây dựng Hải Đăng	2.873.556.864	2.873.556.864		
+ Công ty TNHH Vận tải và Thương mại tổng hợp Tiến Dũng	2.097.892.553	2.097.892.553	2.097.892.553	2.097.892.553
+ Công ty TNHH Thương mại Trần Văn Trường	2.097.048.000	2.097.048.000	2.097.048.000	2.097.048.000
+ Phải trả cho các đối tượng khác	698.498.277	698.498.277	1.223.605.876	1.223.605.876
Cộng	9.037.604.894	9.037.604.894	18.333.486.789	18.333.486.789
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
+ Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Bình Phát			-	5.841.000.000
+ Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Tổng hợp Tiến Dũng			2.097.892.553	2.097.892.553
+ Công ty TNHH Thương mại Trần Văn Trường			2.097.048.000	2.097.048.000
+ Các đối tượng khác			-	1.189.705.000
Cộng			4.194.940.553	11.225.645.553



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/điều chỉnh trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	192.402.645	-	(192.402.645)	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	8.551.985	8.551.985	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	472.017.621	472.017.621	-
Công ty mẹ				
Cộng	192.402.645	480.569.606	288.166.961	-

5.12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.860.000	12.860.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.666.667	120.081.000
Cộng	19.526.667	132.941.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.13. Vốn chủ sở hữu

	VND		VND		Cộng	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		LNST thuế chưa phân phối
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
Số dư 01/01/2021	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(35.722.436.589)	226.660.103.953
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước				1.818.740.820		1.930.207.181
Lỗ trong năm trước						
Giảm khác						
Số dư 01/01/2022	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(33.903.695.769)	228.590.311.134
Tăng vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay					(103.996.387.609)	(109.531.688.107)
Tăng khác					2	2
Giảm khác					(1)	(1)
Số dư 31/12/2022	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(137.900.083.376)	119.058.623.028

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	246.330.000.000	246.330.000.000
Cộng	246.330.000.000	246.330.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	246.330.000.000	246.330.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.633.000	24.633.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.633.000	24.633.000
+ Cổ phiếu phổ thông	24.633.000	24.633.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	191	191
+ Cổ phiếu phổ thông	191	191
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu phổ thông	24.632.809	24.632.809

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/CP

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	16.431.744.000	9.787.945.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	16.431.744.000	9.787.945.600

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.640.273.420	8.724.010.673
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	2.835.219.968	-
Cộng	17.475.493.388	8.724.010.673

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.143.815.717	3.625.667.769
Cộng	1.143.815.717	3.625.667.769

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí tài chính khác	2.468.467	-
Cộng	2.468.467	-

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.311.358.185	1.083.407.800
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.350.000
Thuế, phí và lệ phí	23.687.757	17.864.029
Chi phí dự phòng	-	(210.290.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	675.860.806	132.500.445
Chi phí bằng tiền khác	50.707.765	8.583.940
Cộng	2.061.614.513	1.033.416.214

6.6. Chi phí khác

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	98.299.066	1.722.979.301
Giá trị còn lại của tài sản	106.822.926.468	-
Các khoản khác	623.764.682	3.000.000
Cộng	107.544.990.216	1.725.979.301

6.7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.439.003	143.136.122
Chi phí nhân công	1.557.358.185	1.294.907.800
Chi phí khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	2.835.219.968	1.945.824.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	819.303.866	237.189.427
Chi phí khác bằng tiền	74.395.523	44.311.499
Cộng	5.375.716.545	3.665.368.902

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(103.996.387.609)	1.818.740.820
Cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm	24.632.809	24.632.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.221,86)	73,83

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên quản lý chủ chốt
2	Ông Vũ Hoài Duy	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Công ty liên kết
6	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành	Công ty liên kết

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

TT	Bên liên quan	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
	Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp	396.000.000	309.000.000

c) Giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chuyển tiền góp vốn		
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	-	24.050.000.000
Cộng	-	24.050.000.000

7.3 Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Tập đoàn cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm 2022, Tập đoàn chỉ hoạt động thương mại tại khu vực phía bắc. Do đó, Tập đoàn không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HOA

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HOA

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC THẮNG